

NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH ỨNG PHÓ VỚI RỦI RO THIÊN TAI TRONG QUÁ TRÌNH HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO
Trường Đại học Tài chính - Marketing
Phân hiệu tại tỉnh Quảng Ngãi

Nhận bài ngày 09/5/2026. Sửa chữa xong 20/5/2026. Duyệt đăng 28/5/2026.

Abstract

This article analyzes financial resources to respond to natural disaster risks in the process of moving towards sustainable development. Based on the analysis of the current status of financial resources to respond to natural disaster risks in Vietnam, the author identifies the issues and contributes recommendations to improve the effectiveness of mobilizing financial resources to respond to natural disaster risks in the process of moving towards sustainable development.

Keywords: Budget, financial resources, insurance, natural disaster risks.

1. Đặt vấn đề

Tăng cường khả năng chống chịu, ứng phó với rủi ro thiên tai là một trong những điều kiện cần thiết để đảm bảo an sinh xã hội và phát triển kinh tế, hướng đến các mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường năng lực phòng chống thiên tai ở các vùng bị thiệt hại nặng nề, Chính phủ các nước thường vận dụng đa dạng, kết hợp các nguồn lực tài chính như: Nguồn lực tài trợ trước thiên tai (Quỹ phòng chống thiên tai; Bảo hiểm rủi ro thiên tai;...) và nguồn lực tài trợ sau thiên tai (tăng thuế; tăng chi; vay nợ...). Tuy nhiên, hầu hết các giải pháp được triển khai còn phụ thuộc nhiều vào nguồn ngân sách quốc gia, chủ yếu là các nguồn lực tài chính huy động sau khi xảy ra thiên tai, chưa thực hiện nhiều các biện pháp chuyển giao rủi ro, huy động nguồn tài chính trước khi xảy ra thiên tai. Vấn đề mà Việt Nam cũng như nhiều nước đang phát triển khác đang phải đối mặt đó là nguồn lực ngân sách còn hạn chế và phải đáp ứng cho nhiều mục tiêu chi khác nhau của nền kinh tế trong khi nhu cầu chi cho phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai ngày càng tăng, tương ứng với sự gia tăng tính khốc liệt về cả tần suất và mức độ của các loại hình thời tiết cực đoan. Những khó khăn trên cho thấy sự cần thiết của việc chuyển đổi từ cơ chế tài chính thụ động (tài trợ sau khi thiên tai xảy ra) sang cơ chế tài chính chủ động (tài trợ trước khi xảy ra thiên tai) để tăng cường năng lực ứng phó với rủi ro thiên tai trong dài hạn, hướng đến các mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta. Bài viết phân tích các nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai trong quá trình hướng đến phát triển bền vững. Trên cơ sở phân tích thực trạng các nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai ở nước ta, tác giả nhận diện những vấn đề đặt ra và đóng góp khuyến nghị nhằm nâng cao hiệu quả huy động các nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai trong quá trình hướng đến phát triển bền vững. Bài viết sử dụng chủ yếu hai phương pháp: 1) Phương pháp tổng hợp được sử dụng để thu thập các văn bản pháp luật liên quan đến chủ đề nghiên cứu, bao gồm luật, nghị định, thông tư,... các tài liệu nghiên cứu khoa học về chủ đề nghiên cứu bao gồm bài báo, số liệu; và 2) Phương pháp phân tích nhằm chỉ ra một số vấn đề về nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai trong quá trình hướng đến phát triển bền vững, từ đó đưa ra các khuyến nghị.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai trong quá trình hướng đến phát triển bền vững

Phát triển bền vững được định nghĩa là "Sự phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không

Email: tranthiphuongthao@ufm.edu.vn

làm tổn thương khả năng cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ tương lai¹. Định nghĩa này nhấn mạnh khía cạnh sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo đảm môi trường sống cho con người trong quá trình phát triển. Xét về nội hàm, “phát triển bền vững” là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý và hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển, gồm: Phát triển kinh tế (tăng trưởng kinh tế), phát triển xã hội (thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm) và bảo vệ môi trường (cải thiện chất lượng môi trường; khai thác hợp lý và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ cân bằng sinh thái, qua đó, góp phần thích ứng và giảm nhẹ rủi ro thiên tai).

Nhìn chung, phát triển bền vững là quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: kinh tế tăng trưởng bền vững; xã hội thịnh vượng, công bằng, ổn định; và môi trường, tài nguyên được duy trì bền vững. Kinh tế tăng trưởng càng nhanh, thì tình trạng khan hiếm các loại nguyên nhiên liệu, năng lượng do sự cạn kiệt các nguồn tài nguyên không tái tạo càng tăng lên, môi trường thiên nhiên có khả năng bị suy thoái khiến cân bằng sinh thái bị phá vỡ, làm tăng các hiện tượng thiên tai cực đoan và khí hậu khắc nghiệt. Trong đó, thiên tai là một trong các nguyên nhân làm hạn chế sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Bởi vì rủi ro thiên tai là thiệt hại mà thiên tai có thể gây ra về người, tài sản, môi trường, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội². Do đó, phát triển bền vững với 03 trụ cột kinh tế - xã hội và môi trường có thể được hỗ trợ thông qua những nỗ lực ứng phó và giảm nhẹ rủi ro thiên tai, trong đó nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai là vấn đề được nhiều nước quan tâm. Để giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường năng lực phòng chống thiên tai tại các vùng bị thiệt hại nặng nề, Chính phủ các nước thường vận dụng đa dạng các nguồn lực tài chính phối hợp gồm: nguồn lực tài chính tài trợ sau thiên tai và nguồn lực tài chính tài trợ trước thiên tai.

Đối với các nguồn lực tài trợ tài chính huy động sau thiên tai, nguồn hình thành các công cụ này không yêu cầu phải lập kế hoạch trước, bao gồm việc sử dụng các hình thức như: 1) Quyên góp; 2) Phân bổ lại ngân sách (tăng thuế, tăng chi); 3) Chính phủ đi vay (trong nước hoặc nước ngoài). Tuy nhiên, hạn chế của cơ chế tài chính này là: 1) Không đủ và không kịp thời đối với hình thức quyên góp; 2) Ngân sách thường eo hẹp nên việc phân bổ lại ngân sách sẽ gặp khó khăn - Thiên tai có thể để lại tác động lớn đến cân đối ngân sách, xu hướng làm giảm thu và tăng chi tiêu của Chính phủ; 3) Chính phủ sẽ tổn kém chi phí đi vay trong khi bị hạn chế bởi các quy định về tính bền vững ngân sách.

Khác với nguồn lực tài chính sau thiên tai, các nguồn lực tài chính trước thiên tai yêu cầu có những kế hoạch chủ động để ứng phó với rủi ro thiên tai và được thực hiện chủ yếu dưới hình thức: 1) Quỹ phòng chống thiên tai; 2) Dự trữ Chính phủ, dự phòng ngân sách; 3) Bảo hiểm rủi ro thiên tai... Lợi thế của các nguồn lực tài chính trước thiên tai là: (1) Tốc độ giải ngân nhanh chóng nên có thể giải quyết các hậu quả của thiên tai kịp thời hơn; 2) Đảm bảo tính chủ động và chắc chắn có nguồn tài trợ khi thiên tai xảy ra; 3) Giảm bớt gánh nặng nợ nần cho người dân và quốc gia nơi xảy ra thiên tai. Ngoài ra, nguồn tài chính thông qua thị trường vốn quốc tế như trái phiếu thiên tai, thảm họa đã được áp dụng ở các nước khu vực Trung - Nam Mỹ và đang dần phổ biến tại châu Á - Thái Bình Dương (đặc biệt với các nước dễ xảy ra thảm họa như Nhật Bản, Trung Quốc). Điều này vừa góp phần chuyển giao rủi ro cho ngân sách nhà nước, vừa hỗ trợ phát triển thị trường vốn.

Nhìn chung, mỗi nguồn tài chính đều có ưu điểm và hạn chế riêng. Tuy nhiên, khả năng tài trợ của Chính phủ sau thiên tai là một vấn đề đặt ra. Việc phụ thuộc quá nhiều vào ngân sách hoặc các khoản vay nợ của Chính phủ có thể tạo gánh nặng lên ngân sách của đất nước, đặc biệt là các nước nhỏ và có nền kinh tế đang phát triển. Do đó, các công cụ tài trợ tài chính chủ động (trước khi xảy ra thiên tai) đang trở thành xu hướng được nhiều quốc gia sử dụng nhằm giải quyết các hạn chế của các công cụ tài trợ tài chính sau thiên tai, trong đó chú trọng đến việc giảm áp lực lên ngân sách quốc gia.

2.2. Các nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai ở Việt Nam

Trong bối cảnh thiên tai và những thiệt hại do thiên tai gây ra đang có xu hướng gia tăng trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, để ứng phó với rủi ro thiên tai, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan nhằm tăng cường năng lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai. Theo đó, các nguồn lực

1) Ủy ban Thế giới về Môi trường và Phát triển của Liên hợp quốc, 1987

2) Khoản 2 Điều 3 Luật Phòng chống thiên tai năm 2013

tài chính ứng phó với thiên tai ở Việt Nam khá đa dạng gồm: 1) Dự phòng ngân sách; 2) Quỹ dự trữ tài chính; 3) Dự trữ Nhà nước; 4) Quỹ phòng, chống thiên tai; 5) Bảo hiểm nông nghiệp và các loại bảo hiểm lồng ghép ứng phó với rủi ro thiên tai; 6) Hỗ trợ, quyền góp của tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế. Cụ thể:

2.2.1. Dự phòng ngân sách nhà nước

Đây là nguồn lực tài chính chủ yếu phòng chống thiên tai, cùng với các nguồn lực khác từ ngân sách nhà nước (quỹ dự trữ tài chính và dự trữ Nhà nước). Theo quy định tại Điều 10 Luật NSNN năm 2025 (có hiệu lực từ ngày 01/01/2026), mức bố trí dự phòng từ 2% đến 5% tổng chi ngân sách mỗi cấp để chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh; chi dự trữ quốc gia; nhiệm vụ đối ngoại đột xuất, cấp bách của Nhà nước; chia sẻ phần giảm doanh thu đối với các dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán. Có thể thấy khoản dự phòng ngân sách chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ trong các khoản chi của ngân sách và không chỉ dành riêng cho thiên tai, ngoài chi cho khắc phục hậu quả thiên tai còn được sử dụng để chi cho các mục đích khác như khắc phục hậu quả của dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh,... Thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng ngân sách được quy định tại Điều 4, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP như sau: Bộ Tài chính tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ (đối với ngân sách trung ương), cơ quan tài chính địa phương tổng hợp trình Ủy ban nhân dân (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng nguồn dự phòng ngân sách cấp mình.

2.2.2. Quỹ dự trữ tài chính

Quỹ dự trữ tài chính là quỹ tài chính của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, độc lập tương đối với quỹ ngân sách nhà nước. Chính phủ được lập quỹ dự trữ tài chính từ tăng thu ngân sách trung ương so với dự toán; kết dư ngân sách trung ương (50%³); dự toán chi hằng năm của ngân sách trung ương và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập quỹ dự trữ tài chính từ tăng thu ngân sách cấp tỉnh so với dự toán, dự toán chi còn lại của cấp ngân sách; kết dư ngân sách cấp tỉnh (50%); dự toán chi hằng năm của ngân sách cấp tỉnh và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật. Việc trích lập quỹ dự trữ tài chính được thực hiện dần từng năm; mức khống chế tối đa là 25% dự toán chi ngân sách hằng năm của cấp tương ứng. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng để tạm ứng cho các nhu cầu chi theo dự toán chi của ngân sách khi nguồn thu chưa tập trung kịp, trừ một số trường hợp đặc biệt. Quốc hội (đối với ngân sách trung ương), Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (đối với ngân sách địa phương) quyết định sử dụng quỹ dự trữ tài chính cấp mình để xử lý cân đối ngân sách, trong đó có trường hợp thực hiện các nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai. Trường hợp đã sử dụng hết dự phòng ngân sách thì được sử dụng Quỹ dự trữ tài chính để chi nhưng số chi trong năm tối đa không quá 70% số dư đầu năm của quỹ⁴.

2.2.3. Dự trữ quốc gia

Dự trữ quốc gia bao gồm dự trữ vật tư, hàng hóa thiết bị theo danh mục được Nhà nước quy định. Nguồn kinh phí cho dự trữ quốc gia được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hằng năm và đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân. Ngoài các nhiệm vụ thiết yếu khác như an ninh, quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội, điều hòa giá thị trường, Thủ tướng Chính phủ sẽ ra quyết định xuất hàng dự trữ quốc gia nhằm chủ động đáp ứng yêu cầu đột xuất, cấp bách về phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, cứu đói theo đề xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, hoặc phân cấp cho Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...⁵

2.2.4. Quỹ phòng, chống thiên tai

Theo Nghị định số 78/2021/NĐ-CP quy định về thành lập và quản lý quỹ phòng, chống thiên tai (được sửa đổi, bổ sung bởi: Nghị định số 63/2025/NĐ-CP), quỹ phòng, chống thiên tai được thành lập ở cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế về tổ chức

3) Khoản 1 Điều 74 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025

4) Điều 11 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

5) Luật Dự trữ quốc gia năm 2012 (sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024).

và hoạt động của quỹ. Quỹ phòng, chống thiên tai là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Nguồn tài chính của quỹ phòng, chống thiên tai bao gồm đóng góp bắt buộc của tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài tại địa bàn, công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật và các nguồn hợp pháp khác. Cụ thể: 1) Các tổ chức kinh tế, mức đóng góp hằng năm là 0,02% tổng tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm, tối thiểu là 500 nghìn đồng và tối đa là 100 triệu đồng; 2) Cán bộ, công chức, viên chức đóng một phần hai của mức lương cơ sở chia cho số ngày làm việc trong tháng; 3) Người lao động trong doanh nghiệp đóng một phần hai của mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong tháng theo hợp đồng lao động; 4) Người lao động khác đóng 10.000 đồng/người/năm. Quỹ phòng, chống thiên tai được sử dụng để chi hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai, bao gồm: Cứu trợ, hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; Hỗ trợ các hoạt động ứng phó thiên tai; Hỗ trợ các hoạt động phòng ngừa. Theo số liệu thống kê của Tổng cục phòng chống thiên tai, tính đến nay, tất cả các tỉnh thành trên cả nước đã thành lập quỹ phòng, chống thiên tai.

2.2.5. Bảo hiểm nông nghiệp và các loại bảo hiểm lồng ghép ứng phó với rủi ro thiên tai

Thị trường bảo hiểm Việt Nam hiện nay chưa có các sản phẩm bảo hiểm rủi ro thiên tai riêng ngoại trừ bảo hiểm nông nghiệp là lĩnh vực duy nhất thực hiện bảo hiểm cho rủi ro này. Rủi ro thiên tai được các doanh nghiệp bảo hiểm triển khai như là một nội dung rủi ro mở rộng trong các hợp đồng bảo hiểm tổng hợp (bảo hiểm cháy và rủi ro đặc biệt, bảo hiểm mọi rủi ro công nghiệp, bảo hiểm mọi rủi ro tài sản,...). Hiện nay, chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 13/2022/QĐ-TTg ngày 09/5/2022 (thay thế Quyết định 22/2019/QĐ-TTg ngày 26/6/2019). Theo đó, 29 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương là các địa bàn được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp, thời gian thực hiện đến hết 31/12/2025. Triển khai quyết định nêu trên, rủi ro được bảo hiểm mở rộng hơn về đối tượng bảo hiểm được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và địa bàn hỗ trợ. Theo đó, rủi ro được bảo hiểm gồm: cây lúa 19 rủi ro thiên tai; cây cao su, hồ tiêu, điều, cà phê: 9 rủi ro thiên tai; vật nuôi (trâu, bò, lợn): 17 rủi ro thiên tai; nuôi trồng thủy sản: 16 rủi ro thiên tai.

2.2.6. Nguồn đóng góp tự nguyện và các nguồn hỗ trợ trong nước, quốc tế

Nguồn đóng góp tự nguyện trong nước được tổ chức dưới một số hình thức như đóng góp vào quỹ xã hội, quỹ từ thiện,... Ngoài các hình thức hỗ trợ nêu trên, còn có hình thức hỗ trợ bất thường để trợ giúp cho các đối tượng, trong đó có đối tượng bị thiệt hại sau thiên tai. Theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, trợ giúp xã hội đột xuất sau thiên tai bao gồm hỗ trợ về lương thực (15kg gạo/người/tháng, không quá 3 tháng)⁶, hỗ trợ người bị thương nặng⁷ (tối thiểu 10 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội, mức chuẩn là 500.000 đồng/tháng)⁸, hỗ trợ chi phí mai tang (tối thiểu 50 lần mức chuẩn trợ giúp xã hội)⁹, hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở (tối thiểu từ 20 - 40 triệu đồng/hộ)¹⁰. Bên cạnh các nguồn tài trợ trong nước, còn có các nguồn tài trợ quốc tế và phi Chính phủ hỗ trợ sau thiên tai cho Việt Nam¹¹.

2.3. Một số vấn đề đặt ra và khuyến nghị

Đánh giá các nguồn lực tài chính ứng phó rủi ro thiên tai ở Việt Nam trong giai đoạn vừa qua cho thấy một số vấn đề đặt ra cần được chú trọng nhằm nâng cao hiệu quả huy động các nguồn lực tài chính ứng phó với rủi ro thiên tai trong quá trình hướng đến phát triển bền vững. Cụ thể:

2.3.1. Ngân sách cho công tác ứng phó rủi ro thiên tai chỉ đầy đủ một cách tương đối vì thực tế mỗi khi thiên tai xảy ra hầu hết ngân sách các địa phương đều không tự đảm bảo được, phải nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương. Nguồn ngân sách địa phương cho giảm nhẹ và khắc phục hậu quả thiên tai chủ yếu được dùng cho cứu trợ khẩn cấp khi thiên tai xảy ra (lương thực, thực phẩm, ghe,

6) Điều 12 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

7) Điều 13 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

8) Điều 1 Nghị định số 76/2024/NĐ-CP

9) Điều 14 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

10) Điều 15 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP

11) <https://vietnamnet.vn/han-quoc-sec-my-va-nhieu-nuoc-vien-tro-cho-viet-nam-khac-phuc-bao-lu-2465459.html>

xuống,...). Trong khi đó, dự phòng ngân sách trung ương và quỹ dự trữ tài chính trung ương được dùng cho rất nhiều nhiệm vụ chi khác ngoài thiên tai. Điều đó đồng nghĩa với việc ngân sách chỉ mới đủ để ứng phó với thiên tai ở mức độ vừa phải, mang tính chất thường niên, khó đáp ứng được các sự kiện thiên tai lớn. Theo ước tính của World Bank, thiệt hại do thiên tai gây ra có thể lên đến mức 3,6% và 4,1% của GDP đối với các sự kiện thiên tai có tần suất xảy ra mỗi 100 năm và 200 năm. Trong trường hợp xảy ra sự kiện thảm họa này, ngân sách nhà nước sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc hỗ trợ, khắc phục hậu quả thiên tai. Do đó, việc xây dựng, phát triển hệ thống giải pháp tài chính mới về quản lý và chuyển giao rủi ro thiên tai là rất cần thiết. Các sản phẩm bảo hiểm rủi ro thiên tai, trái phiếu rủi ro thiên tai,... là những công cụ chuyển giao rủi ro thiên tai hiệu quả, không chỉ giúp chuyển giao rủi ro ra thị trường, giảm nhẹ gánh nặng về ngân sách nhà nước, mà còn góp phần tăng cường nhận thức về rủi ro thiên tai, xây dựng kế hoạch ứng phó rủi ro thiên tai. So với các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm cố định, việc phát hành trái phiếu thảm họa có một số ưu điểm do thị trường vốn có năng lực tài chính lớn hơn so với thị trường bảo hiểm, đa dạng hóa nguồn lực ứng phó thiên tai, bảo vệ trong nhiều năm,...

2.3.2. Cơ chế huy động quỹ phòng chống thiên tai còn một số hạn chế như quy định mức đóng góp 0,02% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp. Tổng giá trị tài sản không phản ánh được hết tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của doanh nghiệp trong năm. Một số trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp chỉ là thư giá được ghi nhận trên sổ sách kế toán, chưa phải là giá trị thật, giá thị trường. Thay vào đó, nếu mức thu dựa trên doanh thu của doanh nghiệp sẽ hợp lý hơn vì chỉ số này phản ánh hoạt động thật sự trong năm của doanh nghiệp. Bởi lẽ, căn cứ quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp¹² thì doanh thu là toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền cung ứng dịch vụ kể cả trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng. Điều này cũng phù hợp với những doanh nghiệp mới thành lập đang trong giai đoạn đầu tư thường chi phí đầu tư nhiều, chưa phát sinh doanh thu.

Do đó, cần hoàn thiện quy định liên quan đến huy động quỹ phòng chống thiên tai theo hướng thay đổi tiêu chí xác định mức đóng góp quỹ của doanh nghiệp; đồng thời có cơ chế phối hợp với ngành thuế trong thu quỹ của doanh nghiệp vì cơ quan thuế là đơn vị nắm bắt được thông tin của doanh nghiệp thông qua việc kê khai thuế hằng năm.

2.3.3. Hiện nay, chỉ có 08 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ cung cấp sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp, gồm Bảo Minh, Bảo Việt, ABIC, PVI, BIC, Bảo Long, MSGI và MIC với doanh thu phí và tỷ trọng doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp khiêm tốn dù có sự hỗ trợ phí từ Nhà nước¹³. Số hộ tham gia bảo hiểm nông nghiệp chủ yếu là hộ nghèo và hộ cận nghèo (chiếm tỷ lệ gần 90%), số lượng hộ bình thường và tổ sản xuất nông nghiệp tham gia bảo hiểm rất ít, trong khi đó hộ bình thường lại có diện tích trồng lúa và đàn vật nuôi lớn. Điều này xuất phát từ một số nguyên nhân như: Chính sách hỗ trợ bảo hiểm nông nghiệp hiện nay mới chú trọng đến an sinh xã hội (hỗ trợ phí bảo hiểm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo), chưa có nhiều hỗ trợ đối với hộ nông dân bình thường và tổ chức sản xuất nông nghiệp quy mô lớn. Bên cạnh đó nhận thức của người dân về bảo hiểm nông nghiệp còn hạn chế, thói quen ỷ lại, trông chờ sự hỗ trợ của Nhà nước khi có rủi ro thiên tai xảy ra.

Khi triển khai bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm thường phải tái bảo hiểm ra nước ngoài và phụ thuộc vào điều kiện, điều khoản, phí bảo hiểm của nhà tái bảo hiểm quốc tế. Bởi bảo hiểm nông nghiệp là loại hình bảo hiểm phức tạp, địa bàn triển khai rộng, dàn trải, rủi ro trong nông nghiệp diễn biến bất thường, đa dạng, gắn liền với điều kiện tự nhiên của mỗi địa phương, mặt khác do tính chất sản xuất nông nghiệp của Việt Nam nhỏ lẻ, manh mún, lại thường xuyên gặp thiên tai dẫn đến mức độ rủi ro cao, chi phí bồi thường lớn. Do vậy các doanh nghiệp tái bảo hiểm thường cân nhắc trước khi tham gia nhận tái bảo hiểm tại Việt Nam. Hiện nay chỉ có doanh nghiệp tái bảo hiểm Swiss Re nhận tái bảo hiểm cho bảo hiểm nông nghiệp nước ta.

Xem tiếp trang 168

12) Điều 8 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2025

13) Doanh thu phí bảo hiểm nông nghiệp năm 2021 là 60 tỷ đồng; các năm 2022, 2023, 2024 là 43 tỷ đồng. (Tác giả tổng hợp từ Niên giám thị trường bảo hiểm Việt Nam).